

**Phụ lục I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI BỔ SUNG LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /06/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN, CẤP XÃ (LIÊN THÔNG)  
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
							Mức độ 3	Mức độ 4	
<b>Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>									
1	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện  2.000286.000.00.00.H42	34 Ngày làm việc đối với tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định)	UBND cấp xã, UBND cấp huyện, Sở LĐ TBXH	Không	x	Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	x		<i>Thủ tục này sửa đổi, bổ sung về tên thủ tục; trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết, yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính, tên mẫu đơn, mẫu tờ khai và căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
							Mức độ 3	Mức độ 4	
2	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện. 2.000282.000.00.00.H42	Tiếp nhận ngay (hoàn thiện trong 10 ngày làm việc)	UBND cấp xã, UBND cấp huyện, Sở LĐ TBXH	Không	x	Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	x		<i>Thủ tục này sửa đổi, bổ sung về tên thủ tục, trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết, yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính, tên mẫu đơn, mẫu tờ khai và căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</i>
3	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện. 2.000477.000.00.00.H42	07 Ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định)	UBND cấp xã, UBND cấp huyện, Sở LĐ TBXH	Không	x	Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	x		<i>Thủ tục này sửa đổi, bổ sung về tên thủ tục, trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết, yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính, tên mẫu đơn, mẫu tờ khai và căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</i>

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
							Mức độ 3	Mức độ 4	
<b>Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>									
1	Thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng  1.001776.000.00.00.H42	22 Ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định)	UBND cấp xã	Không	x	Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	x		<i>Thủ tục này sửa đổi, bổ sung về trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết, yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính, tên mẫu đơn, mẫu tờ khai và căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</i>
2	Thủ tục chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn huyện, thành phố thuộc tỉnh  1.001758.000.00.00.H42	06 Ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định)	UBND cấp xã	Không	x	Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	x		<i>Thủ tục này sửa đổi, bổ sung về trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết, yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính, tên mẫu đơn, mẫu tờ khai và căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
							Mức độ 3	Mức độ 4	
3	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các huyện, thành phố thuộc tỉnh  1.001753.000.00.00.H42	08 Ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định)	UBND cấp xã	Không	x	Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	x		<i>Thủ tục này sửa đổi, bổ sung về trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết, yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính, tên mẫu đơn, mẫu tờ khai và căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</i>
4	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội  1.001731.000.00.00.H42	05 Ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định)	UBND cấp xã;	Không	x	Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	x		<i>Thủ tục này sửa đổi, bổ sung về trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết, yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính, tên mẫu đơn, mẫu tờ khai và căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
							Mức độ 3	Mức độ 4	
5	Thủ tục trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc  2.000777.000.00.00.H42	02 Ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định)	UBND cấp huyện	Không	x	Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	x		<i>Thủ tục này sửa đổi, bổ sung về tên TTHC, trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết, yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính, tên mẫu đơn, mẫu tờ khai và căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</i>
6	Thủ tục nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp  1.001739.000.00.00.H42	05 Ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định)	UBND cấp xã	Không	x	Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	x		<i>Thủ tục này sửa đổi, bổ sung về trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết, yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính, tên mẫu đơn, mẫu tờ khai và căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
							Mức độ 3	Mức độ 4	
7	Thủ tục trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng 2.000744.000.00.00.H42	03 Ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định)	UBND cấp xã	Không	x	Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	x		<i>Thủ tục này sửa đổi, bổ sung về tên TTHC, trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết, yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính, tên mẫu đơn, mẫu tờ khai và căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</i>

**C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
							Mức độ 3	Mức độ 4	
<b>Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>									
1	Thủ tục trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở 2.000751.000.00.00.H42	Thời hạn giải quyết của Chủ tịch UBND cấp xã là 02 ngày làm việc.	UBND cấp xã	Không	x	Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	x		<i>Thủ tục này sửa đổi, bổ sung về trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết, yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính, tên mẫu đơn, mẫu tờ khai và căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</i>

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ HỦY BỎ  
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG–THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

*(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

<b>TT</b>	<b>Mã số thủ tục hành chính</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>				
1	2.000295.000.00.00.H42	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.	Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	Thủ tục hành chính này được ban hành tại Quyết định số 592/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý nhà nước, quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
2	2.000286.000.00.00.H42	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.		
3	2.000282.000.00.00.H42	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.		
4	2.000477.000.00.00.H42	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.		



## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
<b>Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>				
1	1.000674.000.00.00.H42	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.	Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	Thủ tục hành chính này được ban hành tại Quyết định số 592/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý nhà nước, quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
2	2.000343.000.00.00.H42	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.		
3	2.000335.000.00.00.H42	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.		
4	2.002127.000.00.00.H42	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.		
5	1.001776.000.00.00.H42	Thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng		
6	1.001758.000.00.00.H42	Thủ tục chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn huyện, thành phố thuộc tỉnh		
7	1.001753.000.00.00.H42	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các huyện, thành phố thuộc tỉnh		

8	1.001731.000.00.00.H42	Thủ tục hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội		
9	2.000777.000.00.00.H42	Thủ tục trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc		
10	1.001739.000.00.00.H42	Thủ tục nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp		

### C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
<b>Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>				
1	2.000295.000.00.00.H42	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.	Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	Thủ tục hành chính này được ban hành tại Quyết định số 592/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý nhà nước, quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

## **C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**